

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/ HNGĐ- ST

Ngày 06/9/2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Linh

Bà Nguyễn Thị Phương Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị ThanhThiện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1990

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987

Đều có địa chỉ: H, H, C, H.

Chị K, anh Q đều vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị K và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2008 tại UBND phường H, thị xã C, (nay là thành phố C), tỉnh H. Khi đó, chị K 18 tuổi và anh Q 21 tuổi, anh chị đều làm lao động tự do tại phường H, thành phố C, tỉnh H. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung với bố mẹ anh Q tại khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh H. Thời gian đầu, vợ

chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc hạnh phúc. Đến cuối năm 2009, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị K: Nguyên nhân là do anh Q bắt đầu rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, thường xuyên đánh đập chị, xúc phạm đến bố mẹ đẻ chị. Đến khi chị sinh cháu thứ hai, chị có nghi ngờ anh Q có người phụ nữ khác nên tiếp tục đánh đập, chửi bới chị. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng không thể hàn gắn được, không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Theo anh Q: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về việc sinh hoạt, làm ăn kinh tế trong gia đình. Chị K hay nói nhiều nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xô xát, chửi bới, lúc không kiềm chế được anh có tát cảnh cáo chị K. Tình cảm vợ chồng căng thẳng, trầm trọng. Năm 2011 chị K sinh cháu thứ hai, chị đề nghị về nhà bố mẹ đẻ nghỉ ngơi rồi không muốn về nhà anh nữa. Anh cố níu kéo, qua lại hai bên gia đình, cho chị K thời gian để con cái lớn, sau đó vợ chồng lại về ở với nhau. Nhưng đến cuối năm 2020, tình cảm vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị K nghi ngờ anh có người phụ nữ khác, anh giải thích không được, hai bên lời qua tiếng lại, xúc phạm chửi bới nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị K xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/12/2008 và cháu Nguyễn Thị Lệ Q2, sinh ngày 04/10/2011. Hiện cháu Q1 đang ở với anh Q, cháu Q2 đang ở với chị K. Nếu anh chị ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Q1 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Q2 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị K hiện làm lao động tự do tại H, thu nhập hàng tháng là 5.000.000đồng, anh Q làm công nhân ở công ty than ở Q, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng. Anh chị đều có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị K và anh Q đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Qua xác minh với bà T-mẹ đẻ chị K, bà C-mẹ đẻ anh Q xác nhận: Chị K và anh Q kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh H. Đến năm 2009, anh chị phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, có lúc anh Q còn đánh chị K, chửi bới bố mẹ vợ. Kể từ năm 2011, chị K đã đưa cháu Nguyễn Thị Lệ Q2, sinh ngày 04/10/2011 về nhà ông bà ngoại sinh sống, còn cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/12/2008 ở với anh Q ở nhà ông bà nội. Anh Q chị K xác định không muốn ăn ở cùng với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Nếu anh chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu nào thì ông bà đều hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa:

Chị K và anh Q vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/12/2008 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Thị Lệ Q2, sinh ngày 04/10/2011 cho chị K nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị K khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Q có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn Q là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị K vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh Q.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về việc sinh hoạt hằng ngày, làm ăn kinh tế, cư xử với hai bên. Anh chị đã có lời lẽ chửi bới, xúc phạm, không tôn trọng và xô xát lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà đến năm 2011, anh chị còn nghi ngờ, không tin tưởng ở nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng nặng nề, kéo dài. Anh chị không còn quan tâm gì đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế từ cuối năm 2020 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị Khánh anh Tuyền đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị K được ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Anh chị có hai con chung là Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/12/2008 và cháu Nguyễn Thị Lê Q2, sinh ngày 04/10/2011. Chị K và anh Q thỏa thuận để anh Q nuôi dưỡng cháu Q1, chị K nuôi dưỡng cháu Q2 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con, hiện cháu Q1 đang ở với anh Q, cháu Q2 đang ở với chị K nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh chị, phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị K và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 09/12/2008 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Thị Lê Q2, sinh ngày 04/10/2011 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Chị K, anh Q có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0002981 ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường H, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương